

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày: 24-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn L, sinh năm 1979, tại tỉnh ĐT; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn N (chết) và bà Trần Thị M (chết); Có vợ và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/02/1999 bị Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT xét xử tuyên phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân và 06 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam giữ, đã chấp hành xong; Ngày 04/9/2001 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh AG xét xử tuyên phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong ngày 21/4/2004; Ngày 18/4/2012 bị Công an thị xã T, tỉnh AG ra quyết định xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, đã nộp phạt vào ngày 23/8/2012. Tạm giữ: Không; Tạm giam: Ngày 23/4/2021 trong vụ án trộm cắp tài sản tại huyện T, tỉnh AG. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Lý Văn D (có mặt); bà Trần Thị H, anh Đặng Văn Thạch T, bà Trần Thị Đ, chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T, anh Nguyễn Văn H. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 14/7/2017 bị cáo Huỳnh Văn L điều khiển xe mô tô, số loại Wave Trung Quốc, màu xanh, không rõ biển số kiểm soát khi đến tiệm sửa xe của anh Trần Thanh T thuộc ấp B, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT thì bị cáo dừng xe lại, lấy cây kiềm để trong thùng ở ngoài hàng rào nhà anh T cắt lưới B40 rồi đột nhập vào bên trong lấy trộm tài sản của anh T gồm: 43 chai nhớt (trong đó có 30 chai hiệu TOTAL, 07 chai hiệu SUBARU, 06 chai hiệu ZIC), 01 máy nén rửa xe, 20 cái bugi bằng kim loại nhãn hiệu NGK, 02 vỏ xe mô tô hiệu KENDA, 20 ruột xe hiệu KENDA, 01 máy cắt bằng kim loại, 01 máy khoan bằng kim loại. Sau đó Lên lấy tất cả tài sản trộm được bỏ vào 02 cái bao màu xám dùng giấy băng ràng lại rồi điều khiển xe chạy đến bến đò số 5 qua thị xã T, tỉnh A để cất giấu tài sản trộm được tại khu vực vườn chuối thuộc xã L, huyện P, tỉnh AG.

Đến khoảng 11 giờ ngày 14/7/2017 bị cáo đem tài sản trộm cắp được bán cho bà Trần Thị H 30 chai nhớt hiệu TOTAL với số tiền là 1.920.000 đồng, bán cho anh Lý Văn D 07 chai nhớt hiệu SUBARU, 06 chai nhớt hiệu ZIC với giá 780.000 đồng và 20 ruột xe mô tô với giá 360.000 đồng, tổng cộng được 1.140.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ ngày 18/7/2017 bị cáo lấy số tài sản còn lại đi Thành phố Hồ Chí Minh, khi đến khu vực thuộc tỉnh Long An đã bán máy nén với giá 33.000 đồng, bán máy cắt và máy khoan với giá 350.000 đồng, 02 vỏ xe với giá 300.000 đồng, 20 cái bugi với giá 240.000 đồng cho những người không biết họ tên, địa chỉ cụ thể. Sau đó, tiếp tục bán xe mô tô đã sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản cho người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể tại thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 3.200.000 đồng.

Ngày 29/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú đến ngày 23/4/2021 bị cáo bị Công an huyện T, tỉnh AG, bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản cho đến nay.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 08/BBĐG-TSHS ngày 14/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện HN kết luận:

+ 02 (hai) vỏ xe mô tô hiệu KENDA, có giá trị 310.000 đồng;

- + 20 (hai mươi) ruột xe mô tô hiệu KENDA, có giá trị 700.000 đồng;
- + 07 (bảy) chai nhớt nhãn hiệu SUBARU, có giá trị 630.000 đồng;
- + 30 (ba mươi) chai nhớt nhãn hiệu TOTAL, có giá trị 1.920.000 đồng;
- + 06 (sáu) chai nhớt nhãn hiệu ZIC, có giá trị 450.000 đồng;
- + 20 (hai mươi) cái bugi bằng kim loại nhãn hiệu NGK, có giá trị 560.000 đồng;
- + 01 (một) máy nén bằng kim loại màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, dùng để rửa xe, không đủ cơ sở xác định giá;
- + 01 (một) máy cắt bằng kim loại màu xám, không rõ nhãn hiệu, không đủ cơ sở xác định giá;
- + 01 (một) máy khoan bằng kim loại màu xanh, không rõ nhãn hiệu, không đủ cơ sở xác định giá.

Tổng giá trị tài sản đủ cơ sở định giá là 4.570.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- + 01 (một) giẻ lau tay;
- + 04 (bốn) đoạn dây kim loại;
- + Tiền Việt Nam 983.000 đồng của Huỳnh Văn L là tiền bán tài sản của anh T. Ngày 05/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại cho anh T 983.000 đồng.

Đối với 02 cái bao đựng tài sản trộm sau khi đem tài sản đi bán bị cáo đã ném bỏ trên đường, không nhớ địa điểm cụ thể nên không thu hồi được.

Đối với xe mô tô Wave Trung Quốc màu xanh, không rõ biển số kiểm soát mà bị cáo sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản và đem bán tài sản trộm được do bị cáo đã bán xe cho người lạ mặt, không rõ địa chỉ nhân thân với giá 3.200.000 đồng nên không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra bị cáo Huỳnh Văn L và bị hại anh Trần Thanh T thống nhất thỏa thuận phần thiệt hại về tài sản của anh T có giá trị là 7.420.000 đồng, bị cáo Huỳnh Văn L thống nhất bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Thanh T số tiền còn lại là 6.437.000 đồng (7.420.000 đồng – 983.000 đồng = 6.437.000 đồng).

Ngày 29/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Huỳnh Văn L nhưng bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 10/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN ra quyết định truy nã. Ngày 23/4/2021 bị cáo bị Công an huyện T, tỉnh AG, bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra bị cáo Huỳnh Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của Huỳnh Văn L, biên bản lấy lời khai của bị hại anh Trần Thanh T, biên bản nhận dạng, biên bản lấy lời khai những người làm chứng Đặng Văn Thạch T, Lý Văn D, Trần Thị H và biên bản định giá tài sản.

Tại Cáo trạng truy tố số 36/CT-VKSHN ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT truy tố bị cáo Huỳnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Huỳnh Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo L từ 09 tháng tù đến 11 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Huỳnh Văn L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 6.437.000 đồng cho anh Trần Thanh T.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (viết tắt: BLTTHS), đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiêu hủy 01 (một) giẻ lau tay, 04 (bốn) đoạn dây kim loại; Buộc bị cáo Huỳnh Văn L nộp lại số tiền 3.200.000 đồng là tiền bị cáo đã bán xe mô tô là phương tiện dùng để trộm cắp tài sản.

Đối với Nguyễn Thị L không biết việc bị cáo L trộm cắp tài sản nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

Đối với Lý Văn D, Trần Thị H mua tài sản của bị cáo, về mặt ý thức anh D, bà H không biết việc bị cáo L trộm tài sản của anh Tâm nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo biết hành vi sai trái của mình, để bị cáo làm người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và tội danh: Ngày 14/7/2017 bị cáo L có hành vi lén lút trộm cắp 43 chai nhớt (trong đó có 30 chai hiệu TOTAL, 07 chai hiệu SUBARU, 06 chai hiệu ZIC), 01 máy nén rửa xe, 20 cái bugi bằng kim loại nhãn hiệu NGK, 02 vỏ xe mô tô hiệu KENDA, 20 ruột xe hiệu KENDA, 01 máy cắt bằng kim loại, 01 máy khoan bằng kim loại, trị giá 4.953.000 đồng (trong đó tài sản định giá được 4.570.000 đồng, tài sản không định giá được bị cáo thừa nhận bán được số tiền 383.000 đồng). Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra đánh giá tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định bị cáo Huỳnh Văn L đã có hành vi trộm cắp tài sản. Áp dụng tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện HN truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS là đúng pháp luật, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương và gây bất bình trong nhân dân. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo biết đó là vi

phạm phát luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn khỏi địa phương, chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý, xem thường pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình gây ra. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nghĩ nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian học tập cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, cũng nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân: Là thành phần nhân dân lao động, ngày 08/02/1999 bị Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT xét xử tuyên phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân và 06 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam giữ; Ngày 04/9/2001 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh AG xét xử tuyên phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 18/4/2012 bị Công an thị xã T, tỉnh AG ra quyết định xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản nên bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần thiệt hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm thuê và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Văn L và bị hại anh Trần Thanh T thống nhất thỏa thuận, bị cáo Huỳnh Văn L thống nhất bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Thanh T số tiền là 6.437.000 đồng. Xét, việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về vật chứng: 01 (một) giẻ lau tay, 04 (bốn) đoạn dây kim loại là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Buộc bị cáo Huỳnh Văn L nộp vào Ngân sách nhà nước 3.200.000 đồng là tiền bị cáo bán xe mô tô làm phương tiện dùng vào việc phạm tội là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS và điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 321.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ($6.437.000đ \times 5\% = 321.000đ$), tổng cộng 521.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và Điều 6, điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Đối với Nguyễn Thị L không biết việc bị cáo L trộm cắp tài sản nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

[12] Đối với hành vi mua tài sản do trộm cắp mà có của anh Lý Văn D, bà Trần Thị H do anh D, bà H không biết việc bị cáo trộm tài sản của anh T nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện HN về tội danh, khung hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Huỳnh Văn L và bị hại Trần Thanh T, bị cáo Huỳnh Văn L thống nhất bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Thanh T 6.437.000đ (sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) giẻ lau tay, 04 (bốn) đoạn dây kim loại, buộc bị cáo Huỳnh Văn L nộp vào Ngân sách nhà nước 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh ĐT đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 7 năm 2021.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Huỳnh Văn L chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 321.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 521.000đ (Năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh ĐT trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24 tháng 9 năm 2021).

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện HN;
- Cơ quan CSĐT công an huyện HN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung